

Số: 3622 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 3098/SNN&PTNT-TT, ngày 20/9/2018 về việc tham mưu ban hành Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hoá năm 2019.

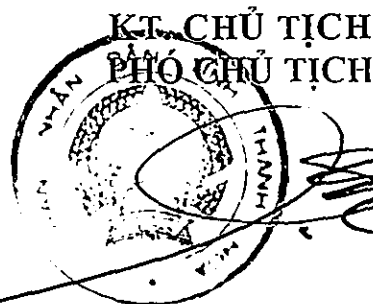
Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, đơn vị có liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2019.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/hiện);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- BTV Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy (p/hợp);
- Các sở, ban, ngành có liên quan (t/hiện);
- Lưu: VT, NN.
(MC11.9.18)



Nguyễn Đức Quyền

KẾ HOẠCH

Sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Thanh Hoá năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số : 3622 /QĐ-UBND ngày 31/9/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2018

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2018

Năm 2018, sản xuất trồng trọt gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, khí hậu cực đoan; vụ Đông năm 2017-2018 chịu thiệt hại của hoàn lưu bão số 10 năm 2017, sau đó xảy ra thường xuyên mưa lũ, rét đầu vụ, nắng hạn kéo dài làm thiệt hại trên 16.386,03 ha cây vụ Đông; vụ Đông Xuân lụt tiêu mẫn làm trên 800 ha lúa bị mất trắng; sản xuất vụ Mùa mưa bão đã làm nhiều diện tích cây trồng ngập úng... Nhưng sản xuất trồng trọt năm 2018 vẫn đạt được một số kết quả nổi bật: Là năm được mùa trên cả 3 vụ sản xuất và trên tất cả các loại cây trồng (trừ những khu vực ngập lụt), nhất là những cây trồng xuất khẩu; vụ Chiêm Xuân được mùa nhất, năng suất lúa đạt 66,5 tạ/ha, cao nhất từ trước đến nay; chi phí sản xuất thấp, năng suất tăng, giá sản phẩm tăng nên thu nhập của nông dân, doanh nghiệp đều tăng cao hơn so với nhiều năm trước. Riêng vụ Đông tuy có thiệt hại, không đạt kế hoạch diện tích do ngập úng nhưng tình đã có chính sách hỗ trợ kịp thời. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của ngành nông nghiệp, của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung chỉ đạo và quan tâm tích cực trong tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất trồng trọt, từ việc xác định cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng phù hợp với điều kiện của các vùng miền, các địa phương hay ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt là giống, kỹ thuật thâm canh, cơ giới hóa. Công tác dịch vụ phục vụ sản xuất như dịch vụ vật tư, làm đất, thu hoạch, vốn, quản lý vật tư nông nghiệp được tăng cường, đáp ứng yêu cầu sản xuất; đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị như lúa gạo hữu cơ, mía, sắn, cây ăn quả, ớt... Công tác đổi điền dồn thửa, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng ít hiệu quả sang cây trồng có hiệu quả cao hơn có chuyển biến tích cực (toàn tỉnh đã chuyển đổi được 4.400 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả cao hơn; trong đó vụ Xuân chuyển đổi 3.177 ha, vụ Mùa 1.423 ha).

1. Vụ Đông: Toàn tỉnh gieo trồng được 46.005 ha, đạt 97,5% KH (diện tích ngô 14.830 ha, đạt 74,2% KH, giảm 4.983 ha so CK; năng suất 45 tạ/ha, giảm 2,17 tạ/ha so CK; sản lượng ngô 66.755 tấn, giảm 26.725 tấn so CK. Diện tích lạc 1.288 ha, giảm 196 ha so CK; năng suất 20,6 tạ/ha, tăng 1,99 tạ/ha so CK; sản lượng

2.655,9 tấn, giảm 109,1 tấn so CK. Diện tích đậu tương 678 ha, giảm 1.184 ha so CK; năng suất 14,7 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha so CK; sản lượng 996,7 tấn, giảm 1.918 tấn so CK. Diện tích khoai lang 3.050 ha, giảm 1.054 ha so CK; năng suất 73,9 tạ/ha, giảm 0,9 tạ/ha so CK; sản lượng 22.539,5 tấn, giảm 7.195 tấn so CK. Diện tích rau đậu, hoa cây cảnh 20.216 ha, tăng 1.607 ha so CK; trong đó rau 19.984 ha, tăng 1.585 ha; năng suất 128,8 tạ/ha, giảm 4,2 tạ/ha so CK; sản lượng 257.442 tấn, tăng 12.775 tấn so CK. Nhóm cây gia vị, dược liệu 2.623 ha, tăng 346 ha so CK; trong đó cây ớt 2.171 ha, tăng 323 ha; năng suất 77,1 tạ/ha, giảm 44,4 tạ/ha so CK. Nhóm cây hàng năm khác 3.240 ha, tăng 1.119 ha so CK; trong đó cây ngô làm thức ăn chăn nuôi 1.558 ha, tăng 178,2 ha; khoai tây 1.640 ha, tăng 586 ha so CK, sản lượng 20.798 tấn, tăng 7.105 tấn so CK.

2. Vụ Xuân: Toàn tỉnh gieo trồng 208.856 ha, đạt 98,1% KH, giảm 3.348 ha so CK. Một số cây có diện tích giảm nhiều như lúa, ngô, mía, ... Nguyên nhân chính giảm diện tích gieo trồng là do chuyển sang xây dựng cơ bản, trang trại, trồng cây lâu năm, cây lâm nghiệp. Diện tích lúa 119.520 ha (các giống lúa có chất lượng cao đạt 28.304 ha, chiếm 23,7% diện tích, tăng 1.163 ha so CK. Nhóm giống lúa lai đạt 69.331 ha, chiếm 59,4% diện tích, giảm 0,3% so CK), đạt 102,2% KH, giảm 2.704 ha so CK; năng suất 66,5 tạ/ha, cao hơn 1,5 tạ/ha so CK; sản lượng 794.808 tấn, đạt 105% KH và tăng 351 tấn so CK. Diện tích ngô 15.451 ha, đạt 85,8% KH, giảm 102 ha so CK; năng suất đạt 46,4 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha so CK; sản lượng 71.649 tấn, đạt 86,9% so với kế hoạch và tăng 1.195 tấn so với CK. Diện tích rau đậu, hoa cây cảnh 13.787 ha tăng 781 ha so CK.

Các mô hình tổ chức sản xuất có hiệu quả ngày càng nhiều: Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống lúa thuần năng suất chất lượng cao TBR225 tại huyện Thọ Xuân; với diện tích trên 200 ha, năng suất ước đạt từ 75-80 tạ/ha, sản phẩm do Công ty cổ phần giống cây trồng Thái Bình thu mua; hiệu quả kinh tế đạt 43,6 triệu đồng/ha. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống ngô nếp lai tại huyện Yên Định với diện tích 74 ha, năng suất dự kiến đạt 5 tấn/ha, sản phẩm do Công ty CP giống cây trồng Trung ương thu mua. Mô hình thuê đất sản xuất lúa gạo theo hướng hữu cơ của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn tại huyện Thiệu Hóa, với diện tích 180 ha. Mô hình sản xuất ngô đường tại các huyện Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, ... với diện tích trên 100 ha, sản phẩm do Công ty xuất nhập khẩu thực phẩm Đồng Giao thu mua. Mô hình sản xuất ngô trồng dày làm thức ăn chăn nuôi 80,5 ha tại huyện Yên Định, ...

Các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gắn với chuyên giao các tiến bộ kỹ thuật về giống và biện pháp kỹ thuật mới như mô hình trồng thâm canh cây dưa hấu Hắc Mỹ Nhân che phủ nilon 3,5 ha tại xã Nga Trung, huyện Nga Sơn; mô hình sản xuất bí xanh 35 ha tại xã Định Tân, huyện Yên Định; mô hình sản xuất cà chua ghép an toàn trái vụ 4,0 ha tại xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa và xã Quảng Hùng, TP Sầm Sơn; mô hình sản xuất khoai tây năng suất chất lượng cao ứng dụng công nghệ che phủ nilon 14 ha tại xã Hoàng Đại, TP Thanh Hóa; xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương; xã Nga Yên, huyện Nga Sơn; xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia ứng dụng TBKT mới về giống và biện pháp canh tác đã giúp

cho cây trồng sinh trưởng phát triển thuận lợi, giảm sâu bệnh, năng suất chất lượng và hiệu quả cao hơn so với sản xuất truyền thống.

3. Vụ Mùa: Tổng diện tích gieo trồng 164.968 ha, đạt 98,8% KH, giảm 1.847 ha so với CK; trong đó: Diện tích lúa 124.927 ha, đạt 100,1% KH, giảm 3.332 ha so với CK; năng suất ước đạt 50 tạ/ha, sản lượng ước đạt 624.214 tấn. Diện tích ngô 14.690 ha, đạt 92,4% KH, giảm 465 ha so với CK; năng suất ước đạt 39,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 58.053 tấn. Diện tích cây trồng còn lại 25.351 ha gồm rau đậu và cây trồng hàng năm khác như khoai lang, sắn, mía, cói, lạc, vừng, cây gia vị, hoa cây cảnh, ...

II. HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN

Kế hoạch sản xuất của một số loại cây trồng không đạt do mưa lũ, rét hại, nhất là kế hoạch sản xuất vụ Đông; hiệu quả sản xuất còn thấp chưa phản ánh hết tiềm năng và lợi thế; đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất chuyển biến chậm, chưa có mô hình tiêu biểu về sản xuất lớn; công tác quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm và nguồn lực thực hiện các chính sách còn bất cập, vốn đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Giá một số nông sản như dứa, mía, ngô,... giảm thấp và thị trường tiêu thụ khó khăn đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý đầu tư cũng như hiệu quả sản xuất trồng trọt của nông dân.

Phần thứ hai KẾ HOẠCH SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT NĂM 2019

Năm 2019, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục đẩy mạnh sản xuất trồng trọt theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Sản xuất trồng trọt tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt tiếp tục được triển khai thực hiện. Chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm tái cơ cấu ngành trồng trọt được chỉ đạo quyết liệt, các địa phương và bà con nông dân hưởng ứng.

- Ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, là cơ sở để tổ chức lại sản xuất, hình thành các chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất trồng trọt.

- Công tác cải tạo đồng ruộng, thủy lợi và giao thông nội đồng tiếp tục được thực hiện, xây dựng mới theo quy hoạch, tạo thuận lợi cho sản xuất; các hoạt động dịch vụ nông nghiệp cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh; cơ giới hoá trong sản xuất tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu sản xuất trồng trọt năm 2019.

- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý vật tư nông nghiệp tương đối chặt chẽ, tạo thuận lợi cho việc thanh kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp, từ đó mang lại hiệu quả cho người sản xuất.

2. Khó khăn

- Biến đổi khí hậu và diễn biến thời tiết bất thường, cực đoan tiếp tục được xác định là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất trồng trọt; thị trường tiêu thụ khó khăn và giá các loại nông sản vẫn ở mức thấp ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư thâm canh của bà con nông dân đối với sản xuất trồng trọt.

- Diện tích sản xuất các loại cây trồng nói chung hầu hết là nhỏ lẻ, manh mún, lao động trong nông nghiệp thiếu hụt, nhất là vào các thời điểm làm đất, gieo trồng và thu hoạch cũng gây nhiều khó khăn cho sản xuất trồng trọt.

- Xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn cho thị trường nông sản của tỉnh ta, áp lực về chất lượng nông sản và an toàn thực phẩm sẽ ngày càng cao. Đây là khó khăn lớn cho nông dân cũng như các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

II. MỤC TIÊU

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 422.860 ha, trong đó: vụ Đông 50.000 ha, vụ Đông Xuân 207.960 ha, vụ Thu Mùa 164.900 ha. Sản lượng lương thực trên 1,6 triệu tấn, trong đó: vụ Đông 84.800 tấn, vụ Đông Xuân 808.900 tấn, vụ Thu Mùa 730.000 tấn.

- Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng chính: Lúa 237.640 ha, năng suất bình quân 58,8 tạ/ha, sản lượng 1.397.764 tấn; ngô 46.170 ha, năng suất bình quân 45,2 tạ/ha, sản lượng trên 202.435 tấn; lạc 10.620 ha, năng suất bình quân 19,4 tạ/ha, sản lượng 20.600 tấn; rau màu và các cây trồng khác 128.430 ha.

(Chi tiết tại phụ lục số 01 và 02 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sản xuất trồng trọt

Xác định sản xuất trồng trọt có vai trò hàng đầu với 2,4 triệu người sống trong vùng nông nghiệp, nông thôn nên cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung rất cao để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị quan tâm, huy động nguồn lực vật chất, tinh thần để tổ chức thực hiện đầy đủ, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu mà ngành trồng trọt đề ra.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông gắn với đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cập nhật diễn biến tình hình thời tiết sâu bệnh hại cây trồng,... đến người dân một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai Đề án “Tích tụ, tập trung đất đai phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến 2030” gắn với phát triển 7 sản phẩm lợi thế trồng trọt của tỉnh: Lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao 140.000 ha, ngô thâm canh 16.000 ha, mía thâm canh 15.000 ha, rau an toàn 2.980 ha, cây ăn quả tập trung 3.000 ha, cây thức ăn chăn nuôi 10.000 ha,..., khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ và thực hiện chuyển đổi 5.738 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác có hiệu quả cao hơn.

2. Bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ hợp lý theo từng vùng nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thị trường

Đẩy mạnh chỉ đạo, hướng dẫn nông dân lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, từng địa phương. Mở rộng diện tích các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận; ưu tiên sử dụng các giống ngắn ngày có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và có thị trường tiêu thụ.

Đối với sản xuất lúa: Tiếp tục chỉ đạo tăng tối đa diện tích gieo cấy trà lúa xuân muộn và mùa sớm để hạn chế ảnh hưởng thời tiết và sâu bệnh và tăng quỹ đất để mở rộng sản xuất vụ đông năm sau. Mỗi địa phương chỉ nên cơ cấu từ 4-5 giống lúa chủ lực có năng suất, chất lượng cao, thích hợp với điều kiện thời tiết và kháng các loại sâu bệnh chủ yếu. Tập trung vào 3 nhóm giống chính: Nhóm giống lúa thuần năng suất, chất lượng cao; nhóm giống lúa lai năng suất cao, chất lượng khá và nhóm giống lúa thuần, lúa lai có năng suất cao, có thị trường tiêu thụ và phục vụ chế biến.

Đối với rau màu: Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, ưu tiên các sản phẩm có thị trường tiêu thụ. Đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bố trí các cây trồng trên đất trồng lúa được chuyển đổi. Tranh thủ thời tiết thuận lợi để gieo trồng, chăm sóc và áp dụng linh hoạt các hình thức tưới có hiệu quả cho cây trồng.

3. Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt nhằm tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật sản xuất, chế biến và bảo quản nông sản; ứng dụng quy trình tưới nước tiết kiệm, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng”; “3 giảm, 3 tăng” (ICM) và quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), ...

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ thông qua việc tổ chức đào tạo, tập huấn cho nông dân, cho cán bộ khuyến nông để ứng dụng, đưa công nghệ vào sản xuất trồng trọt, sớm đưa Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là trung tâm nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Quản lý chặt chẽ công tác khảo nghiệm, sản xuất thử giống cây trồng mới và đề nghị công nhận giống cây trồng mới theo đúng qui định của pháp luật.

Đẩy mạnh hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, bố trí cơ cấu giống cây trồng, thời vụ hợp lý, quy trình kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh để tăng thời lượng các chương trình, chuyên mục chuyên giao tiến bộ kỹ thuật, giới thiệu các mô hình tổ chức sản xuất mới có hiệu quả.

4. Tập trung chỉ đạo, tổ chức sản xuất với quy mô lớn, gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu mô hình tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn có hiệu quả; vận động và khuyến khích nông dân tham gia tích tụ ruộng đất theo quy định của pháp luật nhằm nhân rộng mô hình sản xuất quy mô lớn gắn với tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trồng trọt; thực hiện tốt việc khảo sát, dự báo thị trường hình thành các chuỗi liên kết sản xuất bền vững, sản xuất theo hợp đồng, đáp ứng nhu cầu thị trường; quan tâm chế biến, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm.

Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tích tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào liên kết sản xuất; xây dựng cơ chế thu hút các doanh nghiệp hợp tác đầu tư sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân để nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho cả nông dân và doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đảm bảo chất lượng ATTP, thông qua đó kích cầu tiêu dùng, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể bao gồm tổ hợp tác và hợp tác xã. Nhân rộng mô hình liên kết giữa HTX, hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác trong việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản trên cơ sở cùng có lợi. Phần đầu mỗi xã xây dựng được ít nhất 01 mô hình liên kết đầu tư sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm.

5. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ sản xuất về vật tư nông nghiệp, nước tưới, cơ giới hóa và phòng trừ sâu bệnh

Quản lý chặt chẽ vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp; nhất là kiểm tra đột xuất, sớm phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; gắn với công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng những cơ sở vi phạm; đảm bảo nguồn vật tư chất lượng (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) phục vụ sản xuất.

Tăng cường sự phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với các ngành có liên quan và các địa phương trong việc thực hiện công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Các đơn vị tham gia cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch cung ứng đủ vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, kịp thời vụ, giá cả hợp lý. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ cơ giới hoá trong sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất, tập trung vào các khâu: Làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch; đối với cây lúa tập trung phát triển mạnh hình thức cơ giới hóa đồng bộ; phát triển các hệ thống sấy, chế biến và bảo quản sau thu hoạch.

Các địa phương cần chủ động, tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm; xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

Các công ty quản lý và khai thác công trình thủy lợi thường xuyên kiểm tra, phát hiện hư hỏng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi để đáp ứng kịp thời nhu cầu nước cho làm đất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh. Xây dựng và triển khai thực hiện phương án tưới, tiêu hợp lý; nạo vét kênh mương vào mùa khô, khơi thông dòng chảy để tiêu thoát tốt vào mùa mưa để phát huy tốt năng lực tưới, tiêu của các công trình thủy lợi.

Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ thực vật, thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, sâu bệnh và tình hình sinh trưởng, phát triển của cây trồng; thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo và dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và an toàn; không để sâu bệnh phát sinh thành dịch, đặc biệt quan tâm phòng trừ bệnh lùn sọc đen và các đối tượng sâu bệnh chính như sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá lúa, bệnh đốm sọc vi khuẩn, ...

6. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ, phát triển ngành trồng trọt, nhất là các chính sách mới như: Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018; chính sách liên kết sản xuất, chính sách đối với hợp tác xã... Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng vật nuôi theo Quyết định số 5637/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; chính sách tái cơ cấu nông nghiệp theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh. Đồng thời, tăng cường đấu mối với các bộ, ngành trung ương để tranh thủ, huy động nguồn lực từ trung ương gắn với đối ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện đồng bộ, hiệu quả chính sách. Tăng cường hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp tiếp cận với các cơ chế chính sách, góp phần thúc đẩy phát triển ngành trồng trọt.

- Khuyến khích UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí ngân sách để xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển trồng trọt và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất trồng trọt trên địa bàn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng triển khai kế hoạch sản xuất năm 2019; theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sinh trưởng phát triển của cây trồng để kịp thời chỉ đạo sản xuất; thực hiện tốt công quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng Phương án phát triển sản xuất cho từng sản phẩm trồng trọt trồng chủ lực, từng loại sản phẩm lợi thế (lúa, ngô, lạc, mía, sắn, rau, cây ăn quả...) gắn với quy mô, địa điểm cụ thể.

- Xây dựng và triển khai phương án sản xuất các vụ trong năm và chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất trồng trọt; tập trung vào công tác thủy lợi đảm bảo tưới tiêu kịp thời, công tác phòng trừ sâu bệnh, thực hiện các phương án giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trên địa bàn.

- Phối hợp với UBND các huyện và các đơn vị xây dựng các đề án, dự án phát triển sản xuất trồng trọt; tập trung nhân rộng, nâng cao hiệu quả các mô hình sản xuất đã có, xây dựng một số mô hình mới về các sản phẩm chủ lực của tỉnh theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, chuỗi liên kết gắn với thị trường và coi trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trồng trọt năm 2019, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch. Chủ trì xây dựng kế hoạch khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất và kinh doanh sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra các địa phương về quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện các chính sách đúng mục đích, đạt hiệu quả cao nhất.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Khẩn trương tập trung khắc phục thiệt hại do thiên tai, lũ lụt gây ra cho ngành trồng trọt vừa qua; đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất trồng trọt của huyện; chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất của các xã, thị trấn và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất; có phương án chủ động đối phó với các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của tỉnh để khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư cho phát triển trồng trọt trên địa bàn. Đồng thời, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng địa phương, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng đề án, dự án và tổ chức thực hiện các đề án, dự án đã được phê

duyet; chịu trách nhiệm theo phân cấp trong công tác quản lý nhà nước đối với các loại vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; xây dựng kế hoạch chuyên đôi cơ cấu cây trồng phù hợp với từng địa phương.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các sở, ngành cấp tỉnh và tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

- Đề nghị Mặt trận tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị, xã hội nghề nghiệp quan tâm phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp nêu trên; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả; tổ chức giám sát chính sách liên quan đến sản xuất trồng trọt năm 2019.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2019./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục 01. Dự kiến kế hoạch diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2019

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị	Cả năm	Vụ Đông	Vụ Đông Xuân	Vụ Thu Mùa	Diện tích chuyển đổi đất lúa
Tổng toàn tỉnh		422.860	50.000	207.960	164.900	5.738
1	TP Thanh Hoá	11.100	1.000	5.100	5.000	350
2	TP Sầm Sơn	2.910	330	1.400	1.180	30
3	TX Bỉm Sơn	2.190	100	1.540	540	28
4	Thọ Xuân	29.670	5.500	13.600	10.570	710
5	Đông Sơn	9.980	500	4.750	4.630	290
6	Nông Cống	28.700	2.700	14.000	12.000	255
7	Triệu Sơn	26.150	3.000	12.450	10.800	500
8	Quảng Xương	19.540	2.000	8.940	8.600	400
9	Hà Trung	14.580	890	7.750	5.940	168
10	Nga Sơn	15.430	1.800	7.100	6.780	150
11	Yên Định	30.180	5.500	12.830	11.550	400
12	Thiệu Hoá	21.190	2.500	9.400	9.040	380
13	Hoàng Hoá	23.250	4.300	9.700	9.250	300
14	Hậu Lộc	15.120	2.500	6.250	6.370	362
15	Tĩnh Gia	19.595	3.000	9.330	8.065	150
16	Vĩnh Lộc	15.770	3.000	6.820	5.750	75
17	Thạch Thành	20.790	2.000	12.390	6.400	385
18	Cẩm Thủy	19.140	2.700	9.370	7.070	90
19	Ngọc Lặc	20.400	1.300	12.100	7.000	40
20	Lang Chánh	7.190	650	4.250	2.290	20
21	Như Xuân	12.600	950	8.380	3.270	20
22	Như Thanh	12.290	900	7.080	4.110	90
23	Thường Xuân	10.845	700	6.410	3.715	30
24	Bá Thước	14.945	1.200	8.510	4.955	435
25	Quan Hoá	6.715	250	4.290	2.175	30
26	Quan Sơn	6.765	700	3.390	2.885	40
27	Mường Lát	5.825	30	830	4.965	10

Phụ lục 02: Diện tích gieo trồng một số cây trồng chính năm 2019

Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị	Tổng diện tích	Lúa	Ngô	Lạc	Rau đậu	Sắn	Mía	Cây trồng khác
Tổng toàn tỉnh		422.860	237.640	46.170	10.620	44.160	13.500	28.000	42.770
1	TP Thanh Hoá	11.370	7.630	560	130	2.050			1000
2	TP Sầm Sơn	2.920	1.800	240	180	400			300
3	TX Bỉm Sơn	2.275	960	100	20	180		785	230
4	Thọ Xuân	29.370	15.190	4.000	400	4.140	670	2.500	2.470
5	Đông Sơn	9.815	8.290	100		770		15	640
6	Nông Cống	28.360	20.440	930	610	2.880	50	750	2.700
7	Triệu Sơn	25.780	19.450	1.420	210	2.185	180	750	1.585
8	Quảng Xương	19.100	13.260	690	230	2.055		20	2.845
9	Hà Trung	14.790	11.250	1.030	100	1.300	10	300	800
10	Nga Sơn	15.690	8.970	820	1.470	1.920		10	2.500
11	Yên Định	30.080	18.270	2.920	50	3.770	60	770	4.240
12	Thiệu Hoá	21.310	16.110	2.500	60	1.520		120	1000
13	Hoàng Hoá	23.150	13.200	3.200	1.200	3.710		20	1.820
14	Hậu Lộc	15.135	9.030	1.650	700	2.440		15	1.300
15	Tĩnh Gia	19.800	10.200	1.550	3.740	1.650	80	80	2.500
16	Vĩnh Lộc	16.095	9.330	2.050	60	1.800	100	445	2.310
17	Thạch Thành	20.990	8.580	2.700	60	1.670	300	5.375	2.305
18	Cẩm Thủy	19.220	7.530	4.540	180	1.725	450	2.380	2.415
19	Ngọc Lặc	20.200	6.760	4.100	350	1.735	2.000	3.000	2.255
20	Lạng Chánh	7.060	2.450	1.360	110	860	450	400	1.430
21	Như Xuân	12.400	4.650	760	60	1.125	2.250	2.900	655
22	Như Thanh	12.490	6.010	680	120	1.160	550	3.000	970
23	Thường Xuân	10.830	5.460	1.220	230	530	1.200	1.785	405
24	Bá Thước	15.245	4.590	2.180	230	1.315	1.000	2.500	3.430
25	Quan Hoá	6.755	2.140	2.010	30	380	1.950	40	205
26	Quan Sơn	6.805	2.320	1.980	90	800	1.300	40	275
27	Mường Lát	5.825	3.770	880		90	900		185